

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:
Không tham gia.

Vào ngày 28/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị R, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp Z, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp Z, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2018; bản tự khai ngày 05/6/2018; biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/7/2018 và tại phiên tòa chị Ngô Thị R trình bày: Chị và anh Lê Văn Q tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 44 ngày 17/10/2017). Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên

Lê Thị Anh T, sinh ngày 30/10/2003 và Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/5/2012. Đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh Q đã nhiều lần đánh chị, nên chị và anh Q đã ly thân với nhau từ tháng 2/2017 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Q.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 30/10/2003 và Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/5/2012, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, các con chung của chị và anh Q do anh Q nuôi dưỡng, khi ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh Q nuôi dưỡng, chị không không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại tờ tường trình ngày 13/6/2018 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/7/2018 anh Lê Văn Q trình bày:* Thừa nhận anh với chị Ngô Thị R tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2002, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 44 ngày 17/10/2017). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 30/10/2003 và Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/5/2012, về sau trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, xảy ra bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 2/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh có đến gặp vợ anh để hàn gắn lại nhưng không thành.

Nay chị R yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý theo yêu cầu của chị Ngô Thị R do còn thương vợ con.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 30/10/2003 và Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/5/2012, hiện nay đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị R với anh Lê Văn Q là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy

định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị ly thân từ tháng 2/2017 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng cả hai luôn bất đồng ý kiến, cự cãi nhau. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R đối với anh Q là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị R và anh Q có sinh được 02 đứa con chung tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 30/10/2003 và Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/5/2012, từ khi chị R và anh Q ly thân, cháu Anh T và cháu Huỳnh T do anh Q nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị R thống nhất tiếp tục giao cháu Anh T và cháu Huỳnh T cho anh Q nuôi dưỡng, anh Q cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: từ khi chị R và anh Q ly thân cho đến nay, cháu Anh T và cháu Huỳnh T do anh Q nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh Q vẫn đảm bảo cho 02 cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại đơn yêu cầu ngày 18/7/2018 cháu Anh T và cháu Huỳnh T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh Q, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Anh T và cháu Huỳnh T cho anh Q nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Q không yêu cầu chị R cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị R được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị R trình bày chị và anh Q không có tài sản chung và không có nợ chung, tại tờ tường trình ngày 13/6/2018 và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/7/2018 anh Q cũng trình bày anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt, xét thấy anh Q đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều

27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị R đối với anh Lê Văn Q, theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 17/10/2017 của UBND xã H, huyện T.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Ngô Thị R với anh Lê Văn Q tên Lê Thị Anh T, sinh ngày 30/10/2003 và Lê Thị Huỳnh T, sinh ngày 24/5/2012, cho anh Lê Văn Q nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị R không cấp dưỡng nuôi con do anh Q không yêu cầu.

Chị Ngô Thị R được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Ngô Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị R đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003557 ngày 12/6/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ